

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt đánh giá về kỹ thuật.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|----------|---|--|-----------|
| I | Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công | | |
| 1 | Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, vật liệu chính xây dựng | | |
| 1.1 | Danh mục vật tư, vật liệu chính đưa vào sử dụng cho công trình | - Có bảng kê đầy đủ rõ ràng danh mục các loại vật tư, vật liệu chính và có nêu rõ xuất xứ, nhãn mác của các loại vật tư, vật liệu chính sử dụng cho công trình. - Có trình bày đầy đủ các nội dung về công tác quản lý chất lượng vật tư, vật liệu. | Đạt |
| | | - Không có bảng danh mục và không nêu rõ xuất xứ, nhãn mác của các loại vật tư, vật liệu chính sử dụng cho công trình hoặc có bảng danh mục vật tư, vật liệu chính nhưng không nêu rõ xuất xứ, nhãn mác của các loại vật tư, vật liệu chính sử dụng cho công trình hoặc có bảng danh mục vật tư, vật liệu chính nhưng chưa phù hợp với biện pháp thi công, với yêu cầu của gói thầu. - Không nêu hoặc trình bày thiếu hoặc sơ sài các nội dung về công tác quản lý chất lượng vật tư, vật liệu. | Không đạt |
| 1.2 | Đối với các vật tư, vật liệu chính gồm: - Đắt đắt các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Cấp phối đá dăm các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; | - Có cam kết cung cấp vật tư của đơn vị cung ứng hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu chính đã nêu tại mục 1.2 cho gói thầu đang xét. | Đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|----|---|---|-----------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Bê tông nhựa các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Cát các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Xi măng các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Cốt thép các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Đá các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Đá hộc; - Cọc tre; - Vải địa kỹ thuật; - Gạch Tezzarro KT400x400; - Gạch không nung (6,5x10,5x22)cm; - Vật tư đảm bảo an toàn giao thông gồm: Cột; Biển báo; Sơn dẻo nhiệt. - Bó vĩa các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Ống bê tông quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Nắp hố ga bằng composite KT1000x1000 nắp tròn D800 tải trọng 400KN; - Nắp hố ga bằng composite KT850x850 nắp tròn D650 tải trọng 125KN; - Song chắn rác bằng composite kèm khung KT nắp mở 430x860 tải trọng 250KN; - Cây Bàng Đài Loan đường kính 13-15cm cao \geq3m; - Ống HDPE các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Ống PVC các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Dây điện các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Cáp điện các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Cột điện các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Xà, sứ các loại quy cách theo hồ | <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc phải đúng tên gói thầu và tên dự án tham gia dự thầu. - Có cung cấp catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật thể hiện các đặc tính kỹ thuật của vật tư, vật liệu chính mà nhà thầu đề xuất (trừ vật liệu là đất đắp, cát, đá, cọc tre). - Có kèm theo Giấy phép ĐKKD của đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu chính. - Các tài liệu chứng minh là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ scan gửi kèm E-HSDT lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. | |
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Không có cam kết của đơn vị cung ứng (hoặc hợp đồng nguyên tắc) với đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu chính đã nêu tại mục 1.2 cho gói thầu đang xét hoặc có cam kết (hoặc hợp đồng nguyên tắc) với đơn vị cung ứng nhưng không đúng tên gói thầu, tên dự án. - Không có catalogue hoặc không có tài liệu kỹ thuật thể hiện các đặc tính kỹ thuật của vật tư, vật liệu chính mà nhà thầu đề xuất (trừ vật liệu là đất đắp, cát, đá, cọc tre). - Không có Giấy phép ĐKKD của các đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu chính đã nêu tại mục 1.2 cho gói thầu đang xét. | Không đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|-----|---|--|-----------|
| | sơ thiết kế BVTC; - Sứ chuỗi + Phụ kiện các loại quy cách theo hồ sơ thiết kế BVTC; - Thép mã kẽm; - Phụ kiện đường dây các loại theo hồ sơ thiết kế BVTC. | | |
| 1.3 | Nhà thầu có năng lực và đầy đủ thiết bị thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hoặc đi thuê đơn vị có năng lực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng | Có tài liệu được công chứng hoặc chứng thực theo quy định kèm theo để chứng minh là: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Nghị định 62/2016/NĐ-CP, phòng thí nghiệm xây dựng LAS-XD. Trường hợp đi thuê phải có hợp đồng nguyên tắc thực hiện công tác thí nghiệm và đơn vị cho thuê phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Nghị định 62/2016/NĐ-CP, phòng thí nghiệm xây dựng LAS-XD. | Đạt |
| | | Không có tài liệu chứng minh. | Không đạt |
| 1.4 | Nhà thầu có năng lực và đầy đủ thiết bị thí nghiệm chuyên ngành điện hoặc đi thuê đơn vị có năng lực thí nghiệm chuyên ngành điện. | Có tài liệu được công chứng hoặc chứng thực theo quy định kèm theo để chứng minh là: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực điện; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định trong lĩnh vực kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện. Trường hợp đi thuê phải có hợp đồng nguyên tắc thực hiện công tác thí nghiệm và đơn vị cho thuê phải có: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối | Đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|-----|---|---|-----------|
| | | với lĩnh vực điện; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định trong lĩnh vực kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện. | |
| | | Không có tài liệu chứng minh đáp ứng các yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 2 | Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thiết bị chính cung cấp cho gói thầu | | |
| 2.1 | Đối với các thiết bị cung cấp cho gói thầu | <ul style="list-style-type: none"> - Có bảng kê gồm: Thông số kỹ thuật; Xuất xứ, Mã hiệu/Tên thương mại; Nguồn cung cấp của các thiết bị đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm c - Khoản 3 - Mục III. Yêu cầu về kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật thuộc Chương V Phần 2 của E-HSMT. - Có cam kết toàn bộ thiết bị và phụ kiện cung cấp phải mới 100%. | Đạt |
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Không có bảng kê gồm: Thông số kỹ thuật; Xuất xứ, Mã hiệu/Tên thương mại; Nguồn cung cấp của các thiết bị hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm c - Khoản 3 - Mục III. Yêu cầu về kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật thuộc Chương V Phần 2 của E-HSMT. - Không có cam kết toàn bộ thiết bị và phụ kiện cung cấp mới 100%. | Không đạt |
| 3 | Giải pháp kỹ thuật | | |
| 3.1 | Tổ chức mặt bằng công trường | - Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng | Đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|----|-------------------|---|------------------|
| | | <p>công trình xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ tổ chức thi công hợp lý, phù hợp đặc điểm và vị trí xây dựng hạng mục công trình: Không hạn chế số lượng bản vẽ song phải thể hiện được đầy đủ các yếu tố sau: <ul style="list-style-type: none"> + Vị trí, mặt bằng công trình xây dựng; + Bố trí nhà tạm thi công (lán trại công nhân và Ban chỉ huy công trường); + Vị trí kho, bãi tập kết vật tư xây dựng; + Vị trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo; + Bố trí thiết bị thi công; + Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. | |
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Không có thuyết minh giải pháp kỹ thuật hoặc thuyết minh giải pháp không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. - Không có bản vẽ hoặc bản vẽ tổ chức thi công không thể hiện được đầy đủ các yếu tố sau: <ul style="list-style-type: none"> + Vị trí, mặt bằng công trình xây dựng; + Bố trí nhà tạm thi công (lán trại công nhân và Ban chỉ huy công trường); + Vị trí kho, bãi tập kết vật tư xây dựng; + Vị trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo; + Bố trí thiết bị thi công; + Giải pháp cấp điện, cấp | <p>Không đạt</p> |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|----------|---|--|-----------|
| | | nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. | |
| 3.2 | Giải pháp pháp tổ chức thi công trắc đạc, định vị công trình | Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | | Không có thuyết minh giải pháp kỹ thuật hoặc thuyết minh giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 3.3 | Giải pháp kỹ thuật thi công chủ yếu cho các công tác chính: a) Công tác chuẩn bị trước khi thi công. b) Công tác thi công San nền. c) Công tác thi công Đường giao thông. d) Công tác thi công Thoát nước mưa. e) Công tác thi công Cấp nước. f) Công tác thi công Thoát nước thải. g) Công tác thi công Thông tin liên lạc. h) Công tác thi công Cấp điện và chiếu sáng. | Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | | Không có thuyết minh giải pháp kỹ thuật hoặc thuyết minh giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 4 | Biện pháp tổ chức thi công | | |
| 4.1 | Hệ thống tổ chức và nhân sự của nhà thầu tại công trường | <p>Có bố trí trên sơ đồ hệ thống tổ chức và thuyết minh cụ thể công việc các bộ phận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tiến độ, kỹ thuật, chất lượng. - Hành chính, kế toán, an toàn lao động, an ninh, môi trường. - Các đội, tổ thi công. | Đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|-----|--|--|-----------|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Không bố trí sơ đồ hệ thống tổ chức hoặc có bố trí nhưng không đầy đủ các bộ phận theo yêu cầu. - Không có thuyết minh cụ thể công việc các bộ phận trên sơ đồ hệ thống tổ chức. | Không đạt |
| 4.2 | Biện pháp tổ chức đảm bảo giao thông, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện giao thông trong quá trình thi công | Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý, khả thi theo đúng yêu cầu kỹ thuật quy định, phù hợp với điều kiện thi công của nhà thầu, phù hợp với tiến độ thi công và phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | | Không có thuyết minh biện pháp thi công hoặc thuyết minh biện pháp không hợp lý, không khả thi, không đúng yêu cầu kỹ thuật quy định và không phù hợp với tiến độ thi công. | Không đạt |
| 4.3 | <p>Mô tả biện pháp thi công các hạng mục chính theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Hạng mục San nền. b) Hạng mục Đường giao thông gồm: Nền mặt đường; Hè đường; Cây xanh; An toàn giao thông. c) Hạng mục Thoát nước mưa. d) Hạng mục Cấp nước. e) Hạng mục Thoát nước thải. f) Hạng mục Thông tin liên lạc. g) Hạng mục Cấp điện và chiếu sáng gồm: Trạm biến áp; Tuyến cáp ngầm trung thế; Cáp ngầm hạ thế; Cáp ngầm chiếu sáng; Thiết bị trung thế; Thiết bị Trạm biến áp. | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ các nội dung bên, các công việc đầy đủ theo hồ sơ thiết kế (HSTK) được duyệt. Có thuyết minh kèm theo bản vẽ biện pháp thi công (BPTC) minh họa cho từng công việc được thể hiện phù hợp với HSTK được duyệt (<i>không giới hạn số lượng bản vẽ BPTC minh họa</i>). - Có biện pháp tổ chức thi công và bản vẽ hợp lý, khả thi theo yêu cầu, phù hợp với điều kiện của nhà thầu, phù hợp với tiến độ thi công, phù hợp với kích thước và hiện trạng mặt bằng của dự án. - Biện pháp tổ chức thi công đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn của E- | Đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|-----------|---|--|-----------|
| | | HSMT. | |
| | | <p>- Trình bày thiếu nội dung hoặc biện pháp tổ chức thi công, trình bày không đáp ứng các nội dung theo yêu cầu, không có bản vẽ, thiếu không đầy đủ bản vẽ theo yêu cầu, không phù hợp với hồ sơ thiết kế được duyệt.</p> <p>- Biện pháp tổ chức thi công không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với kích thước và hiện trạng mặt bằng của dự án.</p> <p>- Biện pháp tổ chức thi công không đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn của hồ sơ mời thầu.</p> | Không đạt |
| II | Tiến độ thi công | | |
| 1 | Tổng tiến độ thi công | Đề xuất đảm bảo Tổng tiến độ thi công không quá 365 ngày có tính điều kiện thời tiết, nghỉ lễ, tết kể từ ngày khởi công. | Đạt |
| | | Tổng tiến độ thi công vượt quá 365 ngày. | Không đạt |
| 2 | <p>Tính phù hợp:</p> <p>a) Giữa huy động thiết bị thi công các hạng mục, tiến độ thi công và biện pháp thi công</p> <p>b) Giữa bố trí nhân lực thi công các hạng mục, tiến độ thi công và biện pháp thi công.</p> | Đề xuất và có biểu đồ huy động đầy đủ, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT cho cả 2 nội dung a) và b). | Đạt |
| | | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b) và không có biểu đồ kèm theo. | Không đạt |
| 3 | <p>Bảng tiến độ thi công bao gồm tiến độ cho các hạng mục chính theo yêu cầu của E-HSMT gồm:</p> <p>- Bảng tiến độ, biểu đồ nhân lực, biểu đồ huy động vật tư, vật liệu, biểu đồ huy động máy thiết bị thi công phù hợp với đề xuất kỹ thuật.</p> <p>- Thể hiện đầy đủ các hạng mục</p> | Đề xuất đầy đủ, logic, hợp lý giữa các phần trong bảng tiến độ; đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc đề xuất nhưng không đầy đủ, không hợp lý hoặc không logic; không đáp ứng yêu cầu của | Không đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|------------|---|--|-----------|
| | <p>công việc chính. Trong mỗi hạng mục thể hiện chi cho từng công việc theo trình tự thi công, khu vực thi công, đảm bảo tính tuần tự, liên tục của công việc, hạng mục theo quy trình thi công. Mỗi công việc trong bảng tiến được thể hiện thời gian từ khi khởi công tới khi hoàn thành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện thời gian từ khi khởi công đến khi kết thúc hợp đồng. - Thời gian thực hiện thể hiện theo ngày. | E-HSMT. | |
| 4 | Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện. | <p>Có đề xuất biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện, đảm bảo thiết bị trên công trường hoạt động liên tục phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> | Đạt |
| | | <p>Không có đề xuất hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công</p> | Không đạt |
| III | Cách thức quản lý dự án bao gồm: Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường | | |
| 1 | Tổ chức quản lý dự án | <p>Có đề xuất phương án tổ chức quản lý dự án hợp lý, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của gói thầu</p> | Đạt |
| | | <p>Không đề xuất hoặc có phương án tổ chức quản lý dự án nhưng không hợp lý, không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của gói thầu</p> | Không đạt |
| 2 | Tổ chức quản lý hiện trường | <p>Có đề xuất sơ đồ và thuyết minh tổ chức hiện trường hợp lý, phù hợp với điều kiện hiện trường và đề xuất kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của gói thầu</p> | Đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|----|---|---|-----------|
| | | Không đề xuất hoặc có sơ đồ và thuyết minh nhưng không hợp lý, không phù hợp với điều kiện hiện trường và đề xuất kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của gói thầu. | Không đạt |
| IV | Các biện pháp bảo đảm chất lượng | | |
| 1 | <p>Thuyết minh biện pháp đảm bảo chất lượng trong thi công:</p> <p>- Có thuyết minh biện pháp đảm bảo chất lượng trong thi công gồm những nội dung như: <i>Sơ đồ hệ thống tổ chức của Nhà thầu tại công trường: Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn,...</i> Các tổ đội thi công; Kiểm tra chất lượng các khâu thi công....; Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công (thi công san nền; thi công nền mặt đường, hè đường, cây xanh, an toàn giao thông; thi công thoát nước mưa, thoát nước thải; thi công cấp nước; thi công hệ thống thông tin liên lạc; thi công hệ thống cấp điện và chiếu sáng): Quy trình lập biện pháp thi công, thi công, kiểm tra, nghiệm thu.</p> <p>- Biện pháp đảm bảo chất lượng hợp lý.</p> <p>- Có nêu trách nhiệm của nhà thầu trong thi công xây dựng công trình theo quy định.</p> | <p>Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> | Đạt |
| | | <p>Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> | Không đạt |
| 2 | <p>Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công:</p> <p>- Có biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu: Các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản, thí nghiệm.</p> <p>- Có biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công,</p> | <p>Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> | Đạt |
| | | <p>Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.</p> | Không đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|----|---|--|-----------|
| | khi mưa bão. | | |
| 3 | <p>Biện pháp đảm bảo chất lượng cho công tác quản lý tài liệu, hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định. - Lập Bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán và quản lý các tài liệu khác trong quá trình triển khai thi công. | Đề xuất đầy đủ các biện pháp, quy trình quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán. | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc đề xuất nhưng không đầy đủ các nội dung hoặc đề xuất biện pháp quản lý chất lượng không hợp lý. | Không đạt |
| V | Các biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động | | |
| 1 | <p>Vệ sinh môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. - Có các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khói rung, kiểm soát nước thải các loại, kiểm soát rác thải, nhà vệ sinh của công nhân trên công trường. - Các biện pháp và kế hoạch cụ thể nhằm hạn chế hoặc giải thiểu có tác động xấu đến môi trường xung quanh trong quá trình thi công thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố Hà Nội. | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, trình bày đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. | Đạt |
| | | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không trình bày hoặc trình bày thiếu các nội dung theo yêu cầu. | Không đạt |
| 2 | <p>Phòng cháy, chữa cháy:</p> <p>Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| 3 | An toàn lao động: Biện pháp an | Có sơ đồ và thuyết minh đáp | Đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|-----------|--|---|------------------|
| | <p>toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và thể hiện đầy đủ các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động theo phụ lục III Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ. - Sơ đồ tổ chức của bộ phận quản lý an toàn lao động và có thuyết minh sơ đồ. - Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công việc thi công. - Phương án đảm bảo an toàn lao động đối với dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân, vị trí đặt các biển báo an toàn lao động tại công trường. - Biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và khu vực xung quanh công trường. - Phương án ứng phó xử lý với tình huống khẩn cấp có liên quan. - Phương án bảo vệ an ninh công trường, quản lý nhân lực, thiết bị. | <p>ứng đầy đủ theo các nội dung yêu cầu.</p> | |
| | | <p>Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> | <p>Không đạt</p> |
| VI | Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì | | |
| 1 | Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành | <ul style="list-style-type: none"> - Có đề xuất thời gian bảo hành đối với toàn bộ phần xây dựng lớn hơn hoặc bằng 12 tháng; đối với phần cung cấp lắp đặt thiết bị phải lớn hơn hoặc bằng thời gian quy định trong Bảng thông số kỹ thuật tại Chương V thuộc E-HSMT đối với từng thiết bị (trường hợp trong Bảng thông số kỹ thuật không quy định thời gian bảo hành thì yêu cầu thời gian bảo hành thiết bị đó tối thiểu là 12 tháng). - Có cam kết thực hiện bảo hành, có bộ phận bảo hành | Đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|-------------|---|--|-----------|
| | | trực thuộc nhà thầu. Nêu rõ địa chỉ bộ phận bảo hành, tên người phụ trách, số điện thoại liên hệ 24/24. - Có đề xuất đầy đủ nội dung bảo hành gồm khắc phục, sửa chữa hư hỏng, khiếm khuyết của công trình do lỗi của nhà thầu gây ra. - Có thuyết minh quy trình thực hiện bảo hành, bảo trì công trình trong thời gian bảo hành hợp lý, khả thi. | |
| | | Không đáp ứng một trong các tiêu chí trên. | Không đạt |
| 2 | Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo trì | Có cam kết và thuyết minh chi tiết về phương án bảo trì trong thời gian thực hiện bảo hành khi có sự cố, các kênh liên hệ hoạt động 24/24 giờ để chủ đầu tư liên hệ khi có hỏng hóc. | Đạt |
| | | Không có, không đáp ứng hoặc không nêu rõ ràng đầy đủ các nội dung trên. | Không đạt |
| VII | Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có) | | |
| 1 | Nhà thầu có thuyết minh và cam kết: - Sử dụng các vật tư, vật liệu thân thiện môi trường; - Biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công đảm bảo chất lượng, thân thiện không gây ô nhiễm môi trường. | Có thuyết minh và cam kết của đại diện theo pháp luật của nhà thầu về việc đáp ứng các nội dung đánh giá theo yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | | Không có thuyết minh và không có cam kết. | Không đạt |
| VIII | Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | | |
| 1 | * Nhà thầu đáp ứng đầy đủ các nội | Có cam kết của đại diện theo | Đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|------------------------|---|---|-------------------------|
| | <p>dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không có tên trong danh sách tổ chức vi phạm được công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia. - Nhà thầu không có hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận là vi phạm các quy định của hợp đồng hoặc bị Chủ đầu tư chấp dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu. - Nhà thầu không vi phạm một trong các hành vi trong quá trình tham dự thầu quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. <p>* Đối với Nhà thầu liên danh, từng thành viên liên danh phải đáp ứng các nội dung nêu trên.</p> | <p>pháp luật của nhà thầu về việc không vi phạm các nội dung theo yêu cầu của E-HSMT.</p> | |
| | | <p>Không có cam kết hoặc vi phạm một trong các nội dung theo yêu cầu của E-HSMT.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>Kết luận</p> | | <p>Tiêu chuẩn I, II, III, IV, V, VI, VII và VIII được xác định là đạt.</p> | <p>Đạt</p> |
| | | <p>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</p> | <p>Không đạt</p> |

• **Ghi chú:**

- *Biện pháp thi công: Nhà thầu cần lập biện pháp tổ chức thi công cho từng giai đoạn thi công, lập biện pháp thi công chi tiết cho tất cả các công việc trong phạm vi của gói thầu.*
- *Thiết bị phục vụ thi công: Đối với mỗi loại thiết bị thi công, nhà thầu đáp ứng tối thiểu về số lượng và các thông số kỹ thuật của thiết bị theo yêu cầu của E-Hồ sơ mời thầu.*
- *Vật tư, thiết bị cung cấp cho công trình: Cần nêu chi tiết và đầy đủ các thông tin, nguồn cung cấp, thông số kỹ thuật cho tất cả các loại vật tư, thiết bị sử dụng cho gói thầu; đồng thời các loại vật tư, thiết bị đó phải đáp ứng yêu cầu của thiết kế và các tiêu chuẩn, quy phạm có liên quan.*
- *Tiến độ huy động máy móc và tiến độ thi công phải được lập trên phần mềm Microsoft Project hoặc Excel hoặc Autocad. Trên bảng tiến độ phải thể hiện được số lượng nhân công, số lượng máy móc cho từng công việc và mối quan hệ giữa các công việc với nhau một cách hợp lý, khoa học.*
- *Biện pháp đảm bảo chất lượng: Nhà thầu lập hệ thống quản lý chất lượng hợp lý, cụ thể và phù hợp với tính chất của gói thầu.*
- *Quy trình bảo hành, bảo trì: Nhà thầu phải lập kế hoạch, quy trình bảo hành, bảo trì công trình cụ thể phù hợp với tính chất của gói thầu.*